

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**(KHÓA 63)
Năm Tuyển sinh 2021**

Hà Nội- 2021

Số: 1394/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định và quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 22/02/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

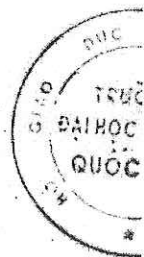
Căn cứ đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 15 tháng 7 năm 2021;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 39 chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

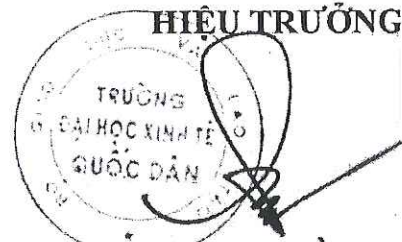


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa, Viện trưởng, Trưởng bộ môn, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- BGH (để c/dạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Trường (để t/báo);
- Lưu P.TH, P.QLĐT.



PGS.TS Phạm Hồng Chương



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số 1344/QĐ/ĐHKQTĐ, ngày 26 tháng 07 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME): TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH /BACHELOR OF ENGLISH ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH (MAJOR):	NGÔN NGỮ ANH (ENGLISH)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH (CODE):	5220201
NGÀNH ĐÀO TẠO PHỤ (MINOR):	QUẢN TRỊ KINH DOANH (BUSINESS MANAGEMENT)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO PHỤ (CODE):	52340101
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (TẬP TRUNG) /FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO (LANGUAGE)	TIẾNG VIỆT / VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO (STANDARD DURATION TIME):	4 NĂM/ 4 YEARS
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN MANAGED BY	KHOA NGOẠI NGỮ KINH TẾ / FACULTY OF FOREIGN LANGUAGES

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

1.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh đào tạo cử nhân đại học với ngành chính Ngôn ngữ Anh, ngành phụ Quản trị kinh doanh. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có khả năng sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh trong môi trường nghề nghiệp có yêu cầu sử dụng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp chính.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Cử nhân tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh nắm vững những kiến thức cơ bản về các bình diện của ngôn ngữ Anh, và văn hóa các nước nói tiếng Anh (trước hết là Anh, Mỹ) và văn hóa Việt Nam, có trình độ Tiếng Anh tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu về đánh giá năng lực sử dụng ngoại ngữ theo tiêu chuẩn chung Châu Âu (CEFR), nắm vững kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế-quản trị kinh doanh để phục vụ các mục đích nghề nghiệp và học tập nâng cao.

Về kỹ năng: Cử nhân tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

- Sử dụng tiếng Anh thành thạo với các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), biên dịch, phiên dịch, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh;
- Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc khai thác hiệu quả Internet phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu;
- Có tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc định hướng đào tạo của mình;
- Có các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thuyết phục, đàm phán, năng lực quản lý và năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập liên tục, học tập suốt đời;

Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Cử nhân tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc hiệu quả với các thành viên hoặc lãnh đạo nhóm khi tham gia vào các công việc trong lĩnh vực chuyên môn; và có năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập liên tục, học tập suốt đời để thích ứng với bối cảnh toàn cầu hoá và CMCN4.0 và với điều kiện môi trường biến động.

1.2. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Với lợi thế về ngoại ngữ cùng kiến thức kinh tế kinh doanh, cử nhân ngôn ngữ Anh có thể đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm theo các định hướng sau đây:

- Phiên dịch, biên dịch: biên dịch viên, phiên dịch viên, điều phối viên dự án cho các cơ quan và tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp.
- Quản trị kinh doanh tổng hợp: cán bộ các phòng chức năng tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội của Việt nam và quốc tế (ví dụ: sales & marketing, quản lý nhân sự, xuất nhập khẩu...) trợ lý, thư ký trong các doanh nghiệp; tham gia khởi nghiệp kinh doanh.
- Sư phạm: giáo viên dạy Tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo khác nhau, đặc biệt tiếng Anh chuyên ngành kinh tế-kinh doanh.
- Quan hệ quốc tế, đối ngoại: cán bộ đối ngoại tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; cán bộ phụ trách báo chí truyền thông của các cơ quan, doanh nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA (PLO)

STT	Mã PLO	Mô tả	Bậc
	PLO1	KIẾN THỨC	
		Kiến thức đại cương về chính trị xã hội và pháp luật	
1	1.1	Hiểu thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.	2
2	1.2	Có nhận thức, hiểu biết về chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lãnh hội, tuân thủ tư tưởng đó trong thực thi các nhiệm vụ được giao.	2
3	1.3	Có nhận thức, hiểu biết về chính trị, xã hội và luật pháp để vận dụng và thực hành trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.	2
		Kiến thức chung của lĩnh vực kinh tế	
4	1.4	Hiểu các nguyên lí kinh tế, nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh để phục vụ các mục đích nghề nghiệp và học tập nâng cao.	3
5	1.5	Vận dụng được các lý thuyết và công cụ toán học trong phân tích kinh tế	2
		Kiến thức chung của ngành ngôn ngữ	
6	1.6	Hiểu những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ và thực hành ngôn ngữ của ngôn ngữ Anh, Việt.	3
7	1.7	Hiểu kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, ngôn ngữ, chính trị và giáo dục. Vận dụng các kiến thức này để phân tích sự phát triển của ngôn ngữ, giải thích các hiện tượng ngôn ngữ; ứng dụng trong nghiên cứu liên ngành; vận dụng để đánh giá ảnh hưởng của các lĩnh vực	4

		cụ thể đó tới đời sống của con người trong các nước nói tiếng Anh; so sánh và đưa ra bài học cụ thể cho Việt Nam. Vận dụng để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp có yếu tố nước ngoài.	
		Kiến thức cơ sở ngành ngôn ngữ Anh	
8	1.8	Hiểu những kiến thức về các bộ phận cấu thành ngôn ngữ: Ngữ âm, âm vị học Tiếng Anh, từ vựng học tiếng Anh, Ngữ pháp tiếng Anh; ứng dụng để phân tích được cấu trúc ngôn ngữ và giải thích một số hiện tượng ngôn ngữ; và vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ để thực hành một cách hiệu quả trong các công việc như biên tập viên, giảng dạy tiếng Anh, biên/phiên dịch viên, truyền thông, văn phòng..., hoặc phục vụ cho công tác nghiên cứu ngôn ngữ học.	4
9	1.9	Hiểu những kiến thức về từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp, các kỹ thuật nghe/nói/đọc/viết, các bước thực hiện và cách tổ chức bài nói/viết... để thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết từ cấp độ tiền Trung cấp tới Thành thạo.	4
		Kiến thức chuyên sâu	
10	1.10	Hiểu những kiến thức ngôn ngữ của tiếng Anh chuyên ngành được sử dụng trong môi trường kinh tế và quản trị kinh doanh (marketing, quản trị kinh doanh quốc tế, tài chính ngân hàng...) và vận dụng để thực hành ngôn ngữ trong các công việc thuộc lĩnh vực này. Sáng tạo áp dụng những kiến thức ngôn ngữ và quản trị kinh doanh vào việc xử lý các tình huống/ vấn đề kinh doanh cụ thể của các doanh nghiệp.	4
11	1.11	Hiểu được các kiến thức chuyên ngành về marketing, quản trị kinh doanh quốc tế, giao tiếp kinh doanh, tài chính ngân hàng; Vận dụng các kiến thức này để giải quyết một vấn đề thực tiễn, và thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực nghề nghiệp như sales quốc tế, marketing, quản lý nhân sự, xuất nhập khẩu... thông qua các tình huống cụ thể, các case study của các doanh nghiệp thực tế; đánh giá tính hiệu quả của một số hoạt động kinh tế, kinh doanh,	3

		truyền thông, quy trình tuyển dụng... tại một số cơ sở, cơ quan dựa trên các tiêu chí về quản trị kinh doanh, nhân sự	
12	1.12	Hiểu về kỹ thuật dịch Nói và dịch Viết và áp dụng các kiến thức này trong công tác biên phiên dịch, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.	4
13	1.13	Hiểu những kiến thức tiếng Anh trong môi trường học thuật (từ vựng hàn lâm, cách thức viết/nói theo văn phong hàn lâm/khoa học, các kỹ thuật nghe đọc có tóm tắt, phân tích...) Phân tích các văn bản học thuật khác nhau để từ đó tổng hợp lại các đặc điểm của các văn bản đó. So sánh, đối chiếu các văn bản học thuật khác nhau.	4
	PLO 2	KỸ NĂNG	
		Kỹ năng chung	
14	2.1	Áp dụng kỹ năng tự đánh giá bản thân, tự định hướng và lập kế hoạch để phát triển bản thân nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	3
		Kỹ năng nghề nghiệp	
15	2.2	Sử dụng các các kỹ năng tiếng Anh tổng quát (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ thành thạo tương đương C1 với các mục đích giao tiếp khác nhau.	4
16	2.3	Sử dụng các kỹ năng tiếng Anh học thuật ở mức độ thành thạo trong việc học các môn chuyên ngành, và trong việc nghiên cứu (kỹ năng trích dẫn trong viết báo cáo khoa học, kỹ năng nghe chép tốc ký, kỹ năng thuyết trình hiệu quả, kỹ năng đọc phân tích...)	4
17	2.4	Sử dụng ở mức độ thành thạo tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực marketing, ngân hàng tài chính, kinh doanh quốc tế. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống phát sinh dựa trên những bài tập tình huống, các case study về kinh tế.	4
18	2.5	Có kỹ năng giao tiếp tốt	4

		Áp dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh tại môi trường có yếu tố nước ngoài (kỹ năng thảo luận nhóm, thuyết trình, kỹ năng thuyết phục, đàm phán, trao đổi thư tín, viết báo cáo, viết kế hoạch...)	
19	2.6	Áp dụng các kỹ năng dịch để chuyển tải ngôn ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại dưới dạng ngôn ngữ nói và viết.	4
20	2.7	Áp dụng các kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ vào mục đích nghề nghiệp.	4
		Kỹ năng bổ trợ	
21	2.8	Thể hiện được tư duy phản biện, kỹ năng tìm kiếm thông tin phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc định hướng đào tạo của mình.	3
22	2.9	Đạt chuẩn tin học tương đương IC3. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn	4
23	2.10	Sử dụng được ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp/Trung) ở trình độ tiên trung cấp.	3
24	2.11	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc phân chia nhóm để giải quyết các tình huống khó khăn đặt ra; có thể đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	4
	PLO3	NĂNG LỰC TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
25	3.1	<p>Thể hiện được năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc hiệu quả với các thành viên hoặc lãnh đạo nhóm khi tham gia vào các công việc trong lĩnh vực chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tham gia đầy đủ vào các hoạt động nhóm. -Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. <p>Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện những nhiệm vụ cụ thể xác định.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo. 	4

26	3.2	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập liên tục, học tập suốt đời để thích ứng với bối cảnh toàn cầu hoá và CMCN4.0 và với điều kiện môi trường biến động	4
----	-----	---	---

4. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang chữ. Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5

b) Loại không đạt:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0
2	Dưới 4,5	F	0,0

6. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	42	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	10	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	46	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	146	Không kể GDQP&AN và GDTC

6.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-20 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	42	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	10	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	46	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	146	Không kể GDQP&AN và GDTC

6.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-20 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			42		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung1/Tiếng Pháp1) Second Foreign Language (Chinese 1/French 1)	NNKC1128/ NNKC1125	3	V	
7	7	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung2/Tiếng Pháp2) Second Foreign Language (Chinese 2/French 2)	NNKC1129/ NNKC1126	3	VI	NNKC1128/ NNKC1125
8	8	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung3/Tiếng Pháp3) Second Foreign Language (Chinese 3/French 3)	NNKC1130/ NNKC1127	3	VII	NNKC1128/ NNKC1125 NNKC1129/ NNKC1126
	9	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	10	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
1.2. Các học phần của Trường				12		
9	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	II	
10	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	III	
11	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	II	
12	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
1.3. Các học phần của ngành				10		
13	1	Đại cương văn hóa Việt nam Vietnamese culture foundation	NNTV1110	2	III	
14	2	Dẫn luận ngôn ngữ Introduction to linguistics	NNTV1102	2	I	
15	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	IV	
16	4	Quản trị kinh doanh - E Business Management - E	QTTH1129	3	V	KHMI1101
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				104		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
17	1	Ngữ âm - âm vị học Phonetics and Phonology	NNTM1103	2	VI	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
18	2	Ngữ pháp Tiếng Anh ứng dụng Applied English Grammar	NNTM1134	2	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
19	3	Từ vựng học Lexicology	NNTM1133	2	VI	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
20	4	Tiếng Việt cơ sở 1 Vietnamese Language 1	NNTV1114	3	II	
21	5	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	IV	
22	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	V	KHMI1101 KHMA1101
2.2. Kiến thức ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				46		
23	1	Ngữ âm thực hành Pronunciation	NNTM1104	2	I	
24	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 1 English - Listening Skills 1	NNTM1135	2	I	
25	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 2 English - Listening Skills 2	NNTM1158	2	II	NNTM1135
26	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 3 English - Listening Skills 3	NNTM1136	2	III	NNTM1158
27	5	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 1 English - Speaking Skills 1	NNTM1138	2	I	
28	6	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 2 English - Speaking Skills 2	NNTM1139	2	II	NNTM1138
29	7	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 3 English - Speaking Skills 3	NNTM1140	2	III	NNTM1139
30	8	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 1 English - Reading Skills 1	NNTM1142	2	I	
31	9	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 2 English - Reading Skills 2	NNTM1143	2	II	NNTM1142
32	10	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 3 English - Reading Skills 3	NNTM1144	2	III	NNTM1143
33	11	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 1 English - Writing Skills 1	NNTM1146	2	I	
34	12	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 2 English - Writing Skills 2	NNTM1147	2	II	NNTM1146

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
35	13	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 3 English - Writing Skills 3	NNTM1148	2	III	NNTM1147
36	14	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 1 Integrated skills - English for economics and business 1	NNTM1151	3	I	
37	15	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 2 Integrated skills - English for economics and business 2	NNTM1157	3	II	NNTM1151
38	16	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 3 Integrated skills - English for economics and business 3	NNTM1152	3	III	NNTM1157
39	17	Thực hành Biên dịch 1 Translation 1	NNTM1107	2	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
40	18	Thực hành Phiên dịch 1 Interpretation 1	NNTM1110	2	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
41	19	Thực hành Biên dịch 2 Translation 2	NNTM1108	2	VI	NNTM1107
42	20	Thực hành Phiên dịch 2 Interpretation 2	NNTM1111	2	VI	NNTM1110
43	<i>Thực tập giữa khoá (Practicum)</i>		NNTM1165	3	V	
2.2.2 Các học phần tự chọn <i>(SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)</i>				15		
44 45 46 47	1	Văn hóa các nước nói tiếng Anh Culture of English Speaking Countries	NNTM1170	3	VII	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 4 English - Speaking Skills 4	NNTM1141	3	IV	NNTM1140
	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 4 English - Listening Skills 4	NNTM1137	3	IV	NNTM1136
	4	Giao thoa văn hoá Cross culture	NNTV1112	3	VII	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
48	5	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	DLLH1131	3	VII	
	6	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	VII	QLKT1101
	7	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3	VII	QLKT1101
	8	Tư duy phản biện Critical thinking	NNTM1173	3	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				18		
49 50 51 52 53 54	1	Chuyên đề Tài chính - Ngân hàng - E English for Banking & Finance	NNTM1150	3	VI	NNTM1152
	2	Chuyên đề Kinh doanh Quốc tế - E English for International Business	NNTM1161	3	VII	NNTM1152
	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 4 English - Reading Skills 4	NNTM1166	3	IV	NNTM1144
	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 4 English - Writing Skills 4	NNTM1169	3	IV	NNTM1148
	5	Chuyên đề Giao tiếp Kinh doanh - E Business Communication-in English	NNTM1159	3	VII	NNTM1152
	6	Marketing căn bản - E Principles of Marketing- in English	MKMA1105	3	VI	NNTM1152
	7	Thực hành Phiên dịch 3 Interpretation 3	NNTM1164 _v	3	VII	NNTM1111
	8	Thực hành Biên dịch 3 Translation 3	NNTM1163	3	VII	NNTM1108
	9	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic Research Methods	PTCC1128	3	VI	
	10	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh English Teaching Methodology	NNTM1172	3	VII	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
55	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		NNTM1174	10	VIII	
Tổng số tín chỉ				146		

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

-Thời gian áp dụng: Áp dụng cho khoá đào tạo tuyển sinh từ năm 2021.

-Nội dung cần đạt, phương pháp giảng dạy, phân bổ thời lượng (giảng dạy, thảo luận/thực hành/tự học), và đánh giá được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Phạm Thị Thanh Thùy

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Hồng Chương